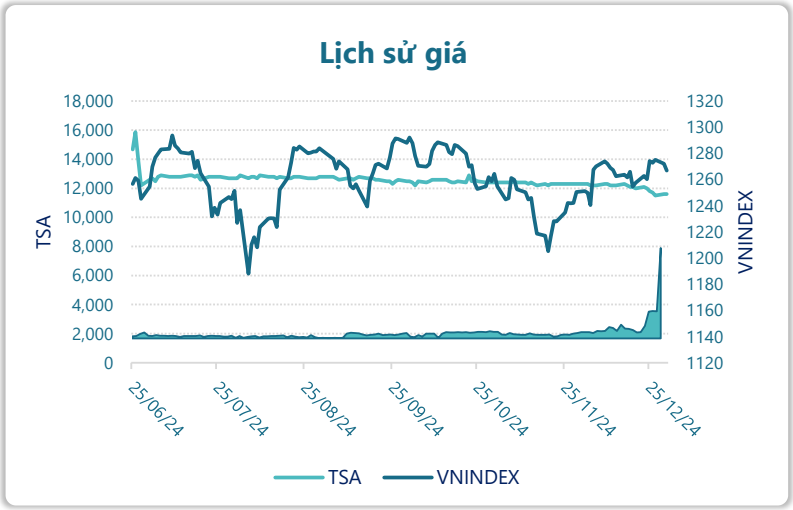
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (UPCOM: TSA)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,862
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500
SL cổ phiếu LH	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,905
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	410
P/E	17.3
EPS	678

DT thuần

Q4/24

316

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 209| 195%

YoY: ▲ 91.0| 40.4%

LN sau thuế

Q4/24

13.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.2| 314%

YoY: ▲ 4.41| 48.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.2%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2024

653

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 284| 76.8%

LN sau thuế

2024

23.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.7| 137%

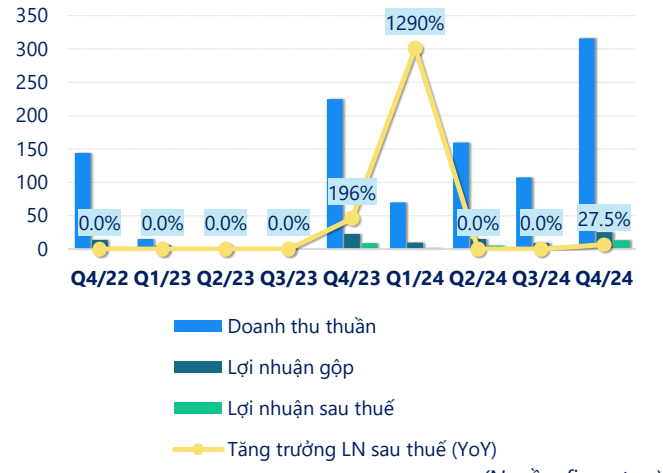
ROE

2024

6.2%

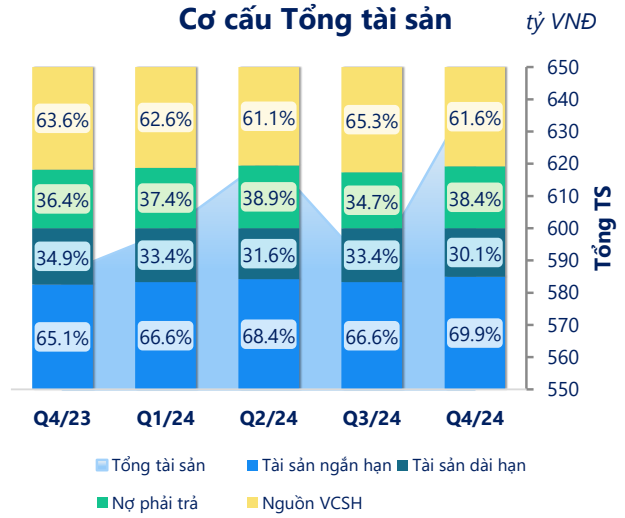
+/- YoY: ▲ 3.4%

Kết quả kinh doanh



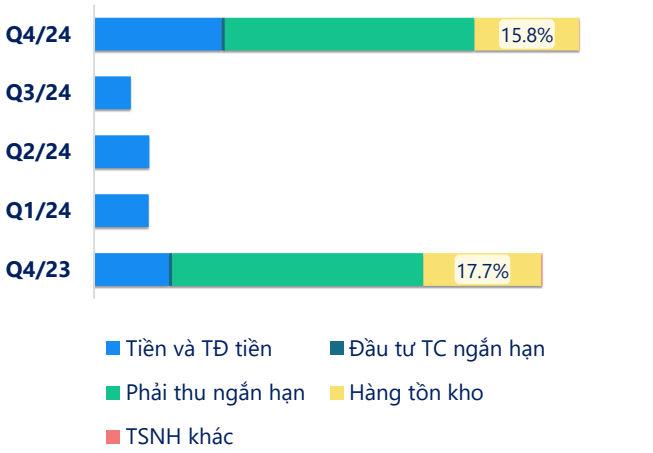
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



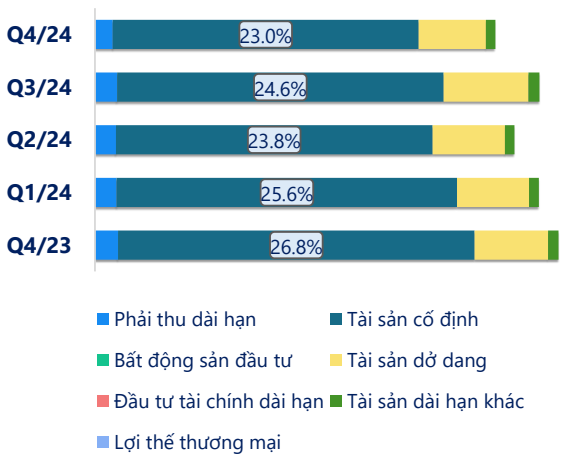
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



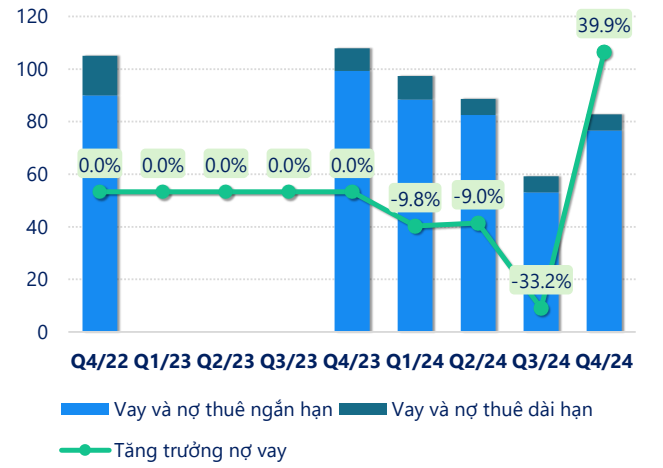
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



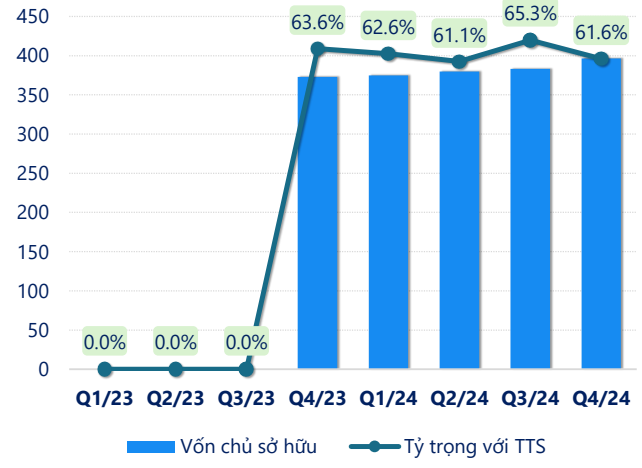
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



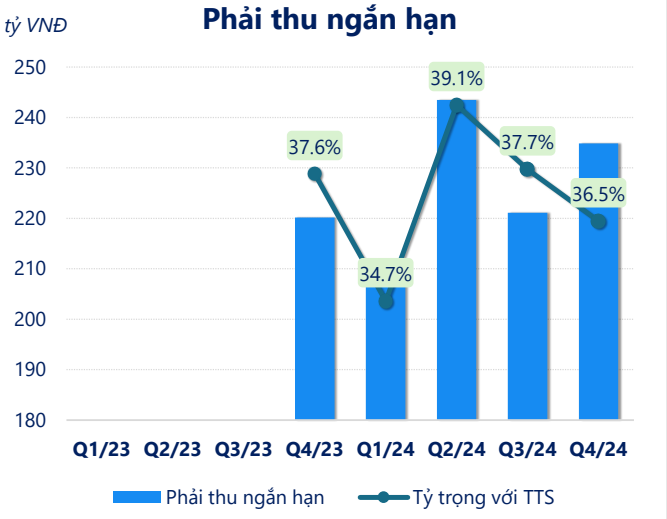
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



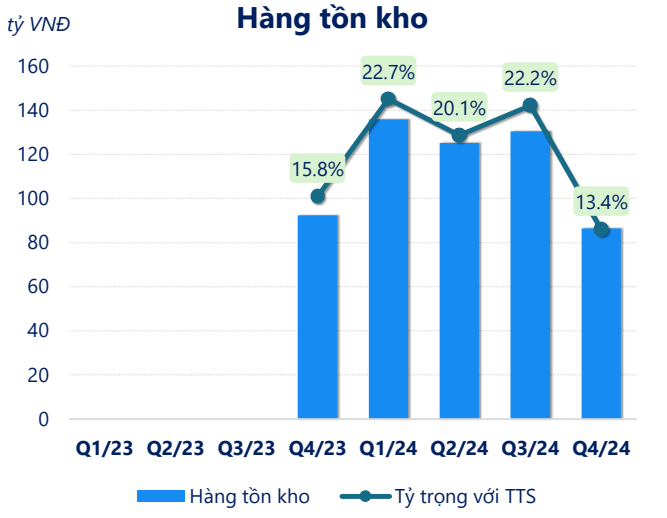
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



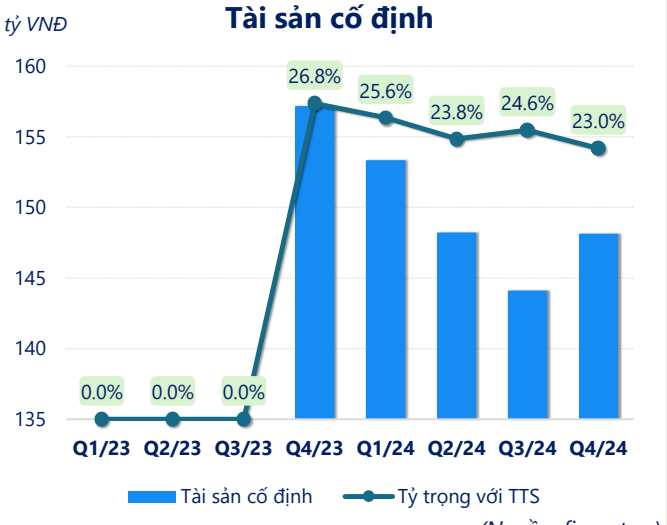
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



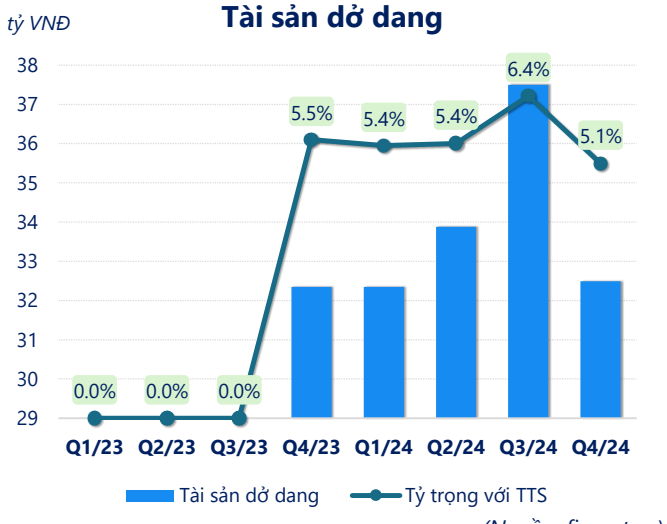
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



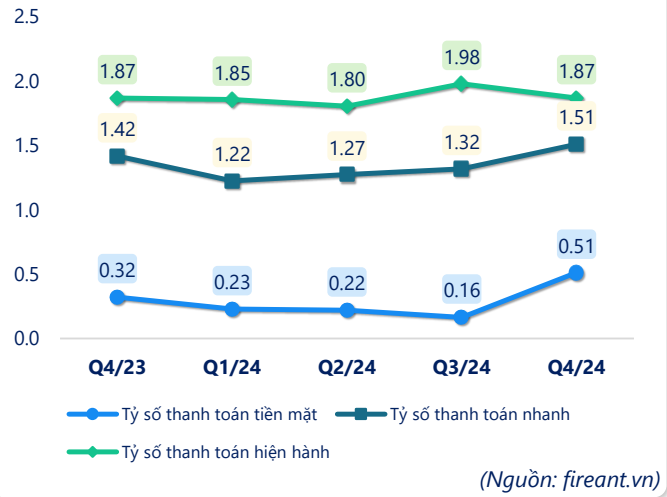
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



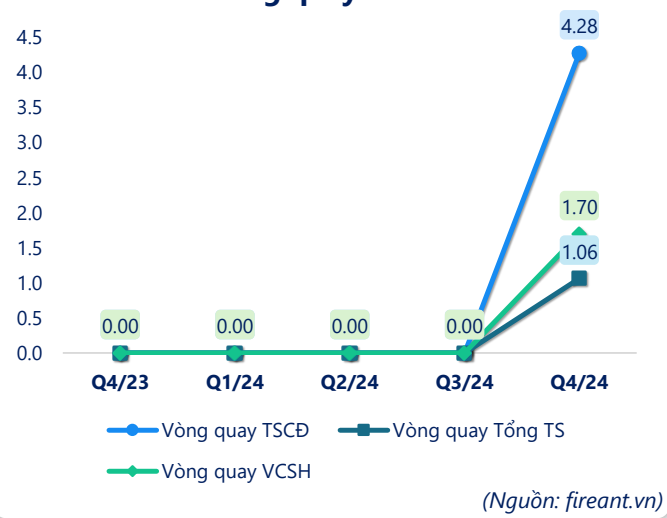
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**586**	**599**	**622**	**587**	**643**
Tài sản ngắn hạn	**382**	**399**	**426**	**391**	**450**
Tiền và tương đương tiền	65.9	49.2	51.6	32.3	123
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.01	3.01	3.04	3.04	3.14
Phải thu ngắn hạn	220	208	243	221	235
Hàng tồn kho	92.3	136	125	130	86.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	3.10	2.52	3.76	1.89
Tài sản dài hạn	**204**	**200**	**196**	**196**	**194**
Phải thu dài hạn	10.2	9.77	9.77	9.77	8.57
Tài sản cố định	157	153	148	144	148
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	32.3	32.3	33.9	37.5	32.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.58	4.46	4.51	4.77	4.65
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**213**	**224**	**242**	**204**	**247**
Nợ ngắn hạn	**204**	**215**	**236**	**198**	**241**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	99.3	88.4	82.5	53.1	76.7
Phải trả người bán ngắn hạn	54.3	40.8	58.1	62.7	128
Nợ dài hạn	8.60	9.00	6.12	6.12	6.12
Vay và nợ thuê dài hạn	8.60	9.00	6.12	6.12	6.12
Nguồn vốn chủ sở hữu	**373**	**375**	**380**	**383**	**396**
Vốn chủ sở hữu	**373**	**375**	**380**	**383**	**396**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)